

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Khung tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận  
“Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”  
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026;*

*Căn cứ Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Cải cách hành chính tỉnh Gia Lai năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 0149/TTr-SKHCHN ngày 18/04/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Khung tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Tỉnh đoàn Gia Lai;
- UBND các xã, phường;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, V9, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**KHUNG TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ,  
XÉT CÔNG NHẬN “XÃ HẠT NHÂN VỀ KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

## I. QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. Mục đích

- Làm cơ sở để các địa phương triển khai xây dựng mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” (gọi tắt là “Xã hạt nhân số”), đồng thời xác định phương pháp đánh giá, xét công nhận Xã hạt nhân số. Qua đó, định hướng các hoạt động chuyển đổi số tại địa phương bảo đảm thiết thực, chất lượng và hiệu quả.

- Đo lường mức độ triển khai công tác chuyển đổi số ở cấp xã; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm phát huy thế mạnh của từng địa phương trong chuyển đổi số, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Nâng cao nhận thức, vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, dựa trên 05 trụ cột chính, gồm: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đổi mới sáng tạo, an toàn, an ninh thông tin để hình thành một hệ sinh thái chuyển đổi số cấp xã, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

### 2. Yêu cầu

Công tác đánh giá, xét công nhận mức độ chuyển đổi số cấp xã đối với mô hình “Xã hạt nhân số” phải được thực hiện khách quan, minh bạch, bảo đảm phản ánh đúng thực trạng và kết quả chuyển đổi số của từng địa phương hằng năm.

### 3. Đối tượng áp dụng

Các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## II. HƯỚNG DẪN VIỆC ĐÁNH GIÁ, XÉT CÔNG NHẬN XÃ HẠT NHÂN SỐ

### 1. Nội dung thực hiện và phương pháp đánh giá

#### a) Nguyên tắc

UBND các xã, phường triển khai các nhiệm vụ dựa trên tiêu chí được xác định theo các mục tiêu thuộc chương trình, chiến lược, kế hoạch của quốc gia về chuyển đổi số, bao gồm: Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22/01/2026; Quyết định số 967/QĐ-

UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2030 và một số văn bản có liên quan.

b) Cấu trúc Khung tiêu chí

- Cấu trúc Khung tiêu chí cấp xã gồm **05** nhóm trụ cột, với **30** tiêu chí thành phần, với tổng điểm đánh giá **100** điểm, cụ thể:

+ Nhóm chính quyền số: **12** tiêu chí (có 04 tiêu chí bắt buộc, không áp dụng tính điểm, chỉ tính điểm trừ); điểm tối đa **40 điểm**.

+ Nhóm kinh tế số: **05** tiêu chí; điểm tối đa **20 điểm**.

+ Nhóm xã hội số: **09** tiêu chí (có 03 tiêu chí bắt buộc, không áp dụng tính điểm, chỉ tính điểm trừ); điểm tối đa **30 điểm**.

+ Nhóm đổi mới sáng tạo: **02** tiêu chí; điểm tối đa **10 điểm**.

+ Nhóm an toàn, an ninh thông tin: **02** tiêu chí (có 02 tiêu chí bắt buộc, không áp dụng tính điểm, chỉ tính điểm trừ).

*(Chi tiết tại Phụ lục Khung tiêu chí đánh giá).*

c) Phương pháp đánh giá

- Dựa trên Khung tiêu chí và phương pháp đánh giá, xét công nhận “Xã hạt nhân số”.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng công cụ để thực hiện việc đánh giá kết quả triển khai mô hình “Xã hạt nhân số” dựa trên dữ liệu, ưu tiên sử dụng các nền tảng có sẵn đã triển khai.

- Địa phương được công nhận hoàn thành mô hình “Xã hạt nhân số” phải thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số cao hơn mức tỉnh giao **5%** và có thời gian hoàn thành nhanh hơn kế hoạch của tỉnh giao xã, phường; trong đó “Xã hạt nhân số” phải đạt từ **85 điểm** trở lên theo Khung tiêu chí đánh giá.

- Đối với các **Tiêu chí bắt buộc**<sup>1</sup>, nếu các xã, phường không hoàn thành sẽ bị trừ điểm (mỗi tiêu chí không hoàn thành bị trừ **2 điểm**).

**2. Quy trình thực hiện đánh giá, xét công nhận**

a) UBND cấp xã được chọn triển khai mô hình “Xã hạt nhân số” năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai đảm bảo Khung tiêu chí cấp xã dựa trên **05** nhóm nhiệm vụ trụ cột với **30** tiêu chí thành phần.

b) UBND cấp xã chịu trách nhiệm phân công đơn vị đầu mối thuộc phạm vi quản lý, theo dõi và tự đánh giá kết quả thực hiện; cập nhật kết quả, kèm theo tài liệu minh chứng của từng nhiệm vụ cụ thể trên công cụ đánh giá kết quả triển khai mô hình “Xã hạt nhân số”.

c) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thành lập Tổ thẩm định kết quả tự đánh giá của cấp xã. Qua đó, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xét công nhận hoàn thành mô hình “Xã hạt nhân số” trên địa bàn.

<sup>1</sup> Trong tổng số 30 tiêu chí, có 08 tiêu chí bắt buộc.

d) UBND tỉnh phê duyệt danh sách các địa phương hoàn thành mô hình “Xã hạt nhân số”; công bố, công khai kết quả thực hiện trên các phương tiện truyền thông; xét thi đua, khen thưởng đối với các xã, phường đạt thành tích trong chuyển đổi số theo quy định.

**PHỤ LỤC**  
**KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ “XÃ HẠT NHÂN VỀ KHOA HỌC**  
**CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
<b>I</b>	<b>CHÍNH QUYỀN SỐ</b>			<b>40</b>		
1	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính	%	Đạt từ 98% trở lên theo Kế hoạch xã hạt nhân	5	<p><b>Phương pháp tính:</b>  Tỷ lệ = <math>a/b \times 100\%</math>, trong đó:  a = Số lượt đánh giá hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính;  b = Tổng số lượt đánh giá hợp lệ trên hệ thống trong kỳ đánh giá.</p> <p><b>Điểm:</b>  + Tỷ lệ <math>\geq</math> Chi tiêu được giao: 5 điểm  + Tỷ lệ <math>&lt;</math> Chi tiêu được giao: Tỷ lệ <math>\times</math> Điểm tối đa.</p> <p><b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia; Báo cáo tổng hợp của cấp xã.</p>	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến toàn trình	%	Đạt tối thiểu 95% theo Kế hoạch xã hạt nhân	5	<p><b>Phương pháp tính:</b>  Tỷ lệ = <math>a/b \times 100\%</math>, trong đó:  a = Số lượng hồ sơ trực tuyến toàn trình</p>	Văn phòng UBND tỉnh

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Cơ sở để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
					<p>phát sinh; b = Tổng số hồ sơ phát sinh (bao gồm trực tiếp và trực tuyến) đối với các thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p> <p><b>Điểm:</b> + Tỷ lệ <math>\geq</math> Chỉ tiêu được giao: 5 điểm; + Tỷ lệ <math>&lt;</math> Chỉ tiêu được giao: (Tỷ lệ <math>\times</math> Điểm tối đa) điểm.</p> <p><b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia; Báo cáo tổng hợp của cấp xã.</p>	
3	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	Đạt 100% theo Kế hoạch xã hạt nhân	5	<p><b>Phương pháp tính:</b> Tỷ lệ = <math>a/b \times 100\%</math>, trong đó: a = Số hồ sơ thủ tục hành chính và kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, lưu trữ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; b = Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết tại cấp xã trong kỳ đánh giá.</p> <p><b>Điểm:</b> Điểm = <math>a/b \times</math> Điểm tối đa.</p> <p><b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo tự đánh</p>	Văn phòng UBND tỉnh

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
					giá của UBND cấp xã; Thống kê, nhật ký từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.	
4	Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thành thạo các nền tảng số cơ bản, thiết yếu; ứng dụng AI trong công việc hằng ngày	%	100% cán bộ được tập huấn và áp dụng AI (có tham dự tập huấn đầy đủ, có bài kiểm tra có ứng dụng trong thực tế); Sử dụng thành thạo Văn phòng điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống phòng họp không giấy; Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; Hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội 2 cấp...	5	<p><b>Phương pháp tính:</b> Tỷ lệ = <math>a/b \times 100\%</math>, trong đó: a = Tổng số cán bộ công chức, viên chức của xã được đánh giá đạt chuẩn kỹ năng sử dụng thành thạo các nền tảng số trong công việc và ứng dụng AI trong công việc; b = Tổng số cán bộ công chức, viên chức của xã.</p> <p><b>Điểm:</b> + Tỷ lệ <math>\geq</math> Chỉ tiêu được giao: 5 điểm; + Tỷ lệ <math>&lt;</math> Chỉ tiêu được giao: (Tỷ lệ <math>\times</math> Điểm tối đa) điểm.</p> <p><b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Qua kết quả kiểm tra đánh giá trên các Hệ thống khảo sát, chấm điểm trực tuyến kiến thức sử dụng thuần thục các nền tảng số trong công việc và ứng dụng AI trong công việc.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh
5	Chính quyền cấp xã sử dụng hệ thống, nền tảng họp không giấy trong các cuộc họp	%	Căn cứ tình hình triển khai thực tế tại địa phương	5	<p><b>Phương pháp tính:</b> a = Số cuộc họp được triển khai hệ thống, nền tảng họp không giấy; b = Tổng số cuộc họp của xã.</p>	Văn phòng UBND tỉnh

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
					<b>Điểm:</b> Điểm = a/b × Điểm tối đa <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Theo Báo cáo tự đánh giá của UBND cấp xã; Số liệu trên Hệ thống hợp không giấy; Lịch tuần trên Hệ thống iDesk.	
6	Kết quả chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp	Điểm số	Căn cứ tình hình triển khai thực tế tại địa phương	5	<b>Phương pháp tính:</b> - Thuộc nhóm 10 địa phương có điểm số cao nhất: 05 điểm. - Thuộc nhóm 11 - 20 địa phương có điểm số cao nhất: 3 điểm. - Thuộc nhóm 21 - 30 địa phương có điểm số cao nhất: 2 điểm. - Trường hợp khác thì không có điểm. <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh
7	Trang thông tin điện tử cấp xã	Hệ thống	Cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động của địa phương và các thông tin phù hợp khác theo quy định của pháp luật để người dân dễ dàng tra cứu, tiếp cận	5	<b>Điểm đánh giá:</b> - Xếp hạng xuất sắc trở lên: Điểm được tính theo thứ hạng trong tổng số 135 đơn vị; đơn vị xếp hạng 1 được tính điểm tối đa, các đơn vị tiếp theo được tính điểm giảm dần theo công thức: (136 – thứ hạng)/135 × điểm tối đa. - Không được xếp hạng xuất sắc: 0 điểm	Văn phòng UBND tỉnh

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
					<b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Điểm đánh giá xếp hạng Trang thông tin điện tử của tỉnh.	
8	Trang bị Hệ thống họp trực tuyến	Phòng họp	Phòng họp trực tuyến phải có phương án dự phòng (tối thiểu phải có 02 phòng họp để phục vụ được 02 cuộc họp cùng lúc)	5	<b>Điểm đánh giá:</b> - Phòng họp trực tuyến đáp ứng yêu cầu thì được 5 điểm. - Trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì 0 điểm. <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo tự đánh giá của UBND cấp xã. Kết quả kiểm tra, đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh
9	Cập nhật đầy đủ dữ liệu kinh tế – xã hội địa phương trên hệ thống kinh tế - xã hội 2 cấp của tỉnh	%	Triển khai theo tình hình thực tế của địa phương	Tiêu chí bắt buộc	<b>Điểm đánh giá:</b> - Nhập đầy đủ số liệu: không bị trừ điểm - Nhập chưa đầy đủ số liệu: bị trừ 2 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo tự đánh giá của UBND cấp xã. Số liệu trên hệ thống kinh tế - xã hội 2 cấp của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Phản mềm theo dõi, đánh giá công chức (KPI)	Hệ thống	Tình hình thực tế triển khai tại địa phương	Tiêu chí bắt buộc	<b>Điểm đánh giá:</b> - Nhập đầy đủ số liệu: không bị trừ điểm - Nhập chưa đầy đủ số liệu: bị trừ 2 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo tự đánh giá của UBND cấp xã. Số liệu trên hệ thống đánh giá (KPI)	Sở Nội vụ
11	Triển khai Học bạ số	Hệ	Tình hình thực tế triển	Tiêu	<b>Điểm đánh giá:</b>	Sở Giáo

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
		thống	khai tại địa phương	chí bắt buộc	- Triển khai học bạ số đại trà cho các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn xã, phường: không bị trừ điểm - Triển khai không đầy đủ: bị trừ 2 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo tự đánh giá của UBND cấp xã. Số liệu trên hệ thống	dục và Đào tạo
12	Triển khai phần mềm Trường học số	Hệ thống	Tình hình thực tế triển khai tại địa phương	Tiêu chí bắt buộc	<b>Điểm đánh giá:</b> - Có triển khai: không bị trừ điểm - Không triển khai: bị trừ 2 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo tự đánh giá của UBND cấp xã. Số liệu trên hệ thống đánh giá (KPI)	Sở Giáo dục và Đào tạo
<b>II</b>	<b>KINH TẾ SỐ</b>			<b>20</b>		
13	Triển khai mô hình Chợ số	Mô hình	Mô hình Chợ số hoạt động hiệu quả (Thanh toán không tiền mặt, Giao hàng online)	5	<b>Phương pháp tính:</b> Tỷ lệ = $a/b \times 100\%$ , trong đó: a = Tỷ lệ tiêu thương tham gia chuyển đổi số b = Tổng số tiêu thương của chợ <b>Điểm:</b> Tỷ lệ x Điểm tối đa <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kiểm chứng kèm theo.	Sở Công Thương; Tỉnh đoàn
14	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ	Số	Tỷ lệ phần trăm số doanh	5	<b>Phương pháp tính:</b>	Sở Tài

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
	kinh doanh nhỏ và vừa có sử dụng nền tảng số phục vụ sản xuất kinh doanh	lượng	ngành nhỏ và vừa có sử dụng nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh trên tổng số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn xã.		Tỷ lệ = $a/b \times 100\%$ , trong đó: a = Số doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhỏ và vừa có sử dụng nền tảng số phục vụ sản xuất kinh doanh; b = Tổng số doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhỏ và vừa. <b>Điểm:</b> Tỷ lệ x Điểm tối đa <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kiểm chứng kèm theo.	chính
15	Tỷ lệ sản phẩm chủ lực, đặc trưng hoặc sản phẩm OCOP (nếu có) của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử	Số lượng	Triển khai theo tình hình thực tế của địa phương	5	<b>Phương pháp tính:</b> Tỷ lệ = $a/b \times 100\%$ , trong đó: a = Số sản phẩm chủ lực, đặc trưng hoặc sản phẩm OCOP (nếu có) của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử; b = Số sản phẩm chủ lực, đặc trưng hoặc sản phẩm OCOP (nếu có) của địa phương. <b>Điểm:</b> Tỷ lệ x Điểm tối đa <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kiểm chứng kèm theo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương
16	Tỷ lệ hợp tác xã/hộ sản xuất, kinh doanh chấp nhận thanh toán không	Số lượng	Triển khai theo tình hình thực tế của địa phương	5	<b>Phương pháp tính:</b> Tỷ lệ = $a/b \times 100\%$ , trong đó: a = Số hợp tác xã/hộ sản xuất, kinh doanh	Sở Tài chính

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
	dùng tiền mặt				chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt; b = Số hợp tác xã/hộ sản xuất, kinh doanh tại địa phương. <b>Điểm:</b> Tỷ lệ x Điểm tối đa <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kiểm chứng kèm theo.	
17	Du lịch số	Mô hình	Số điểm du lịch được số hóa	Tiêu chí bắt buộc	<b>Điểm đánh giá:</b> - Có điểm du lịch được số hóa: không bị trừ điểm - Có điểm du lịch nhưng chưa được số hóa: trừ 02 điểm. <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kiểm chứng kèm theo.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>III</b>	<b>XÃ HỘI SỐ</b>			<b>30</b>		
18	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành có tài khoản định danh điện tử	%	Theo nhiệm vụ số 3.2 Phụ lục I Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026	5	<b>Phương pháp tính:</b> Tỷ lệ = $a/b \times 100\%$ , trong đó: a = Số người dân trong độ tuổi trưởng thành được cấp tài khoản định danh điện tử; b = Số người dân trong độ tuổi trưởng thành tại địa phương. <b>Điểm:</b> Tỷ lệ x Điểm tối đa	Công an tỉnh

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
					<b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương; đối chiếu dữ liệu của Công an.	
19	Bình dân học vụ số cho giáo viên và học sinh	%	100% giáo viên từ cấp Tiểu học đến cấp Trung học cơ sở và học sinh cấp Trung học cơ sở trên địa bàn cấp xã phải tham gia ít nhất một khóa học trên nền tảng “Bình dân học vụ số”	5	<b>Phương pháp tính:</b> Tỷ lệ = $a/b \times 100\%$ , trong đó: a = Số lượng giáo viên từ cấp Tiểu học đến cấp Trung học cơ sở và học sinh cấp Trung học cơ sở trên địa bàn cấp xã tham gia khóa học trên nền tảng “Bình dân học vụ số”; b = Tổng số giáo viên từ cấp Tiểu học đến cấp Trung học cơ sở và học sinh cấp Trung học cơ sở trên địa bàn cấp xã. <b>Điểm:</b> Tỷ lệ x Điểm tối đa <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo
20	Phát triển công dân số	%	Mỗi công dân từ 14 tuổi trở lên được hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh, Internet an toàn, tìm kiếm thông tin, quét mã QR, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng dịch vụ công	5	<b>Phương pháp tính:</b> Tỷ lệ = $a/b \times 100\%$ , trong đó: a = Công dân số; b = Số công dân từ 14 tuổi trở lên trên địa bàn. <b>Điểm:</b> Tỷ lệ x Điểm tối đa <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương.	Tỉnh đoàn

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
21	Tỷ lệ người dân đủ từ 14 tuổi trở lên có cài đặt và sử dụng nền tảng iGiaLai	%	Triển khai theo tình hình thực tế của địa phương	5	<p><b>Phương pháp tính:</b>  <math>Tỷ\ lệ = a/b \times 100\%</math>, trong đó:  a = Tổng số người dân đủ từ 14 tuổi trở lên có cài đặt và sử dụng nền tảng iGiaLai trên địa bàn.  b = Tổng số người dân đủ từ 14 tuổi trở lên của địa phương.  Điểm: Tỷ lệ x Điểm tối đa</p> <p><b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Thống kê trên ứng dụng iGiaLai. Báo cáo của địa phương.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị của người dân được tiếp nhận và xử lý thông qua hệ thống phản ánh hiện trường	%	Triển khai theo tình hình thực tế của địa phương	5	<p><b>Phương pháp tính:</b>  <math>Tỷ\ lệ = a/b \times 100\%</math>, trong đó:  a = Số phản ánh, kiến nghị của người dân được xử lý thông qua nền tảng phản ánh hiện trường trong kỳ đánh giá.  b = Tổng số phản ánh, kiến nghị của người dân được tiếp nhận bởi chính quyền cấp xã trong cùng kỳ đánh giá.  <b>Điểm:</b> Tỷ lệ x Điểm tối đa</p> <p><b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Hệ thống phản ánh kiến nghị; báo cáo UBND cấp xã.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Triển khai camera giám sát an ninh; Truyền	Hệ thống	Triển khai theo tình hình thực tế của địa phương	5	<p><b>Phương pháp tính:</b>  - Có triển khai camera giám sát an ninh;</p>	Sở Khoa học và Công nghệ

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
	thanh thông minh				Truyền thanh thông minh tại cấp xã: 5 điểm. - Chưa triển khai: 0 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo UBND cấp xã và tài liệu kiểm chứng	nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
24	Xây dựng cẩm nang số cho người dân	Hệ thống	Người dân được cung cấp tài liệu hướng dẫn về kỹ năng số	Tiêu chí bắt buộc	<b>Điểm đánh giá:</b> - Có triển khai cẩm nang số cho người dân: không bị trừ điểm - Không triển khai: trừ 2 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo kết quả triển khai thực hiện	Tỉnh đoàn
25	Trạm y tế triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử và áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt	Hệ thống	Tại điểm 5.4 mục II, Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Tỉnh ủy	Tiêu chí bắt buộc	<b>Điểm đánh giá:</b> - Trạm y tế triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử và áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt: không bị trừ điểm - Trạm y tế chưa triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử hoặc chưa áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt: trừ 2 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo kết quả triển khai thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt tại đơn vị.	Sở Y tế
26	Có điểm hỗ trợ chuyển đổi số (tại Trung tâm Phục vụ hành chính	Điểm hỗ trợ	Triển khai theo tình hình thực tế của địa phương	Tiêu chí bắt buộc	<b>Điểm đánh giá:</b> - Có điểm hỗ trợ chuyển đổi số: không bị	Sở Khoa học và Công

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
	công/hoặc tại trụ sở thôn, Tổ dân phố, nhà sinh hoạt cộng đồng...)				trừ điểm - Không có điểm hỗ trợ chuyển đổi số: trừ 2 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Báo cáo kết quả triển khai thực hiện	nghệ
<b>IV</b>	<b>ĐỔI MỚI SÁNG TẠO</b>			<b>10</b>		
27	Có sáng kiến/mô hình thí điểm về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương)	Sáng kiến	Tại điểm 4.5 mục II, Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Tỉnh ủy, hình thành tối thiểu 01 mô hình và chỉ tiêu hàng năm của tỉnh	5	<b>Điểm đánh giá:</b> - Có ít nhất 01 sáng kiến/mô hình thí điểm về ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương): đạt điểm tối đa - Không có sáng kiến/mô hình: 0 điểm. <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kiểm chứng kèm theo.	Sở Khoa học và Công nghệ
28	Câu lạc bộ sáng tạo trẻ cấp xã	Câu lạc bộ	Tại điểm 5.4 mục II, Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Tỉnh ủy	5	<b>Điểm đánh giá:</b> - Có ít nhất 01 câu lạc bộ sáng tạo trẻ cấp xã được thành lập: 5 điểm - Không có câu lạc bộ sáng tạo trẻ cấp xã được thành lập: 0 điểm <b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kiểm chứng kèm	Sở Khoa học và Công nghệ

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Căn cứ để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
					theo.	
V	<b>AN TOÀN THÔNG TIN</b>					
29	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của UBND xã phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ	%	Theo nhiệm vụ số 1.4 Phụ lục I, Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026	Tiêu chí bắt buộc	<p><b>Điểm đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của UBND xã được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ: không bị trừ điểm</li> <li>Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của UBND xã chưa được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ: trừ 2 điểm</li> </ul> <p><b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kiểm chứng kèm theo.</p>	Công an tỉnh
30	Đơn vị triển khai các giải pháp bảo vệ thiết bị đầu cuối và an toàn thông tin cơ bản; thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ	%	Theo nhiệm vụ tại mục III.6, Phần II Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026	Tiêu chí bắt buộc	<p><b>Điểm đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đơn vị triển khai các giải pháp bảo vệ thiết bị an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cơ bản như: thiết bị tường lửa, thiết bị lưu trữ: không bị trừ điểm.</li> <li>Đơn vị chưa triển khai các giải pháp bảo vệ thiết bị an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cơ bản như: thiết bị tường lửa, thiết bị, lưu trữ: trừ 2 điểm.</li> </ul>	Công an tỉnh

Số TT	Nhóm chỉ tiêu/ Tên chỉ tiêu/ Nhiệm vụ cần thực hiện	Đơn vị tính	Cơ sở để đánh giá	Điểm tối đa	Phương pháp tính/ Nguồn thu thập số liệu	Đơn vị phụ trách đánh giá
					<b>Nguồn thu thập số liệu:</b> Số liệu báo cáo của địa phương và tài liệu kèm chứng kèm theo.	
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>100</b>		